

Tác động của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp đến rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam

Phạm Trần Trọng Bách¹, Phạm Trần Trọng Khởi²

Ngày nhận bài: 10/02/2026 | Ngày gửi phản biện: 04/3/2026 | Ngày duyệt đăng: 26/3/2026

Tóm tắt: Trong bối cảnh hệ thống tài chính Việt Nam vận hành chủ yếu dựa trên trung gian ngân hàng, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp có ảnh hưởng quan trọng đến khả năng tiếp cận vốn, duy trì thanh khoản và mức độ an toàn tài chính của doanh nghiệp. Bài viết phân tích tác động của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp đến rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam trên cơ sở tiếp cận định tính, thông qua hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, tổng quan nghiên cứu và phân tích bối cảnh Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp có tác động hai mặt đối với rủi ro tín dụng doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, bài viết khẳng định tác động này phụ thuộc vào chất lượng thông tin tài chính, năng lực quản trị doanh nghiệp, mức độ tập trung tín dụng và khả năng đa dạng hóa nguồn vốn. Bài viết đề xuất một số hàm ý đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và cơ quan quản lý nhằm phát huy vai trò tích cực của quan hệ tín dụng và hạn chế nguy cơ phụ thuộc tài chính trong dài hạn.

Từ khóa: Quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp, rủi ro tín dụng doanh nghiệp, cho vay dựa trên quan hệ, phụ thuộc tài chính, Việt Nam.

The Impact of Bank-Firm Relationships on Corporate Credit Risk in Vietnam

Abstract: In Vietnam's bank-centric financial system, bank-firm relationships play a pivotal role in capital accessibility, liquidity maintenance, and corporate financial stability. This paper examines the impact of bank-firm relationships on corporate credit risk in Vietnam using a qualitative approach, incorporating a systematic theoretical framework, literature review, and contextual analysis. The findings reveal a dual nature of bank-firm relationships regarding corporate credit risk. Accordingly, the study asserts that this impact is contingent upon financial information quality, corporate governance capacity, credit concentration, and capital diversification. Finally, the paper offers several implications for enterprises, commercial banks, and regulatory authorities to enhance the positive effects of credit relationships while mitigating the risks of long-term financial dependence.

Keywords: Bank-firm relationships, corporate credit risk, relationship lending, financial dependence, Vietnam.

1. Giới thiệu

Tại Việt Nam, tín dụng ngân hàng vẫn là kênh dẫn vốn chủ yếu, trong khi thị trường vốn chưa phát triển đủ sâu để thay thế hiệu quả, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, quan hệ tín dụng với ngân hàng không chỉ quyết định khả năng tiếp cận vốn mà còn ảnh hưởng đến chi phí sử dụng vốn và mức độ chống chịu tài chính của doanh nghiệp. Về lý thuyết, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp có thể làm giảm bất cân xứng thông tin thông qua quá trình tích lũy thông tin trong cho vay lặp lại. Nhờ đó, ngân hàng có thể cải thiện thẩm định, tăng cường giám sát và hỗ trợ thanh khoản khi doanh nghiệp gặp khó khăn tạm thời. Theo hướng tiếp cận này, cho vay dựa trên quan hệ có thể góp phần giảm nguy cơ đứt gãy tài chính và suy giảm năng lực trả nợ của doanh nghiệp. Tuy nhiên, tác động của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp không hoàn toàn một chiều. Quan hệ tín dụng bền chặt có thể tạo ra hiệu ứng “khóa chặt”, làm gia tăng sự phụ thuộc của doanh nghiệp vào một ngân hàng hoặc một nhóm ngân hàng nhất định. Khi đó, quan hệ tín dụng có thể vừa là cơ chế giảm rủi ro nhờ thông tin và giám sát, vừa là

¹ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Nội; Email: Phambachh0211@gmail.com

² Trường Đại học Luật Hà Nội; Email: Trungtam447@gmail.com

nguồn phát sinh rủi ro nếu nó kéo dài tình trạng lệ thuộc tài chính và làm suy giảm tính linh hoạt của cấu trúc vốn. Do đó, tác động của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp đến rủi ro tín dụng không mang tính tuyến tính đơn giản mà phụ thuộc vào chất lượng quan hệ tín dụng, đặc điểm doanh nghiệp và bối cảnh thể chế của thị trường tài chính.

Vì vậy, nghiên cứu tác động của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp đến rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Về lý luận, chủ đề này mở rộng hướng tiếp cận từ việc xem quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp là điều kiện hỗ trợ tiếp cận vốn sang phân tích vai trò của nó đối với mức độ dễ tổn thương tài chính và năng lực trả nợ của doanh nghiệp. Về thực tiễn, việc nhận diện đúng tính hai mặt của quan hệ tín dụng có thể gợi mở những hàm ý quan trọng đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và cơ quan quản lý trong điều kiện Việt Nam vẫn là nền kinh tế có cấu trúc tài chính thiên về ngân hàng.

Các nghiên cứu tại Việt Nam hiện chủ yếu tập trung vào rủi ro tín dụng từ góc độ ngân hàng thương mại, hiệu quả hoạt động tín dụng hoặc khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp. Trong khi đó, còn thiếu những phân tích xem quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp như một cơ chế có thể tác động hai chiều đến rủi ro tín dụng từ phía doanh nghiệp. Từ khoảng trống đó, bài viết phân tích tác động của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp đến rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam. Bài viết tập trung vào ba mục tiêu: i) Làm rõ cơ chế tác động của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp đến rủi ro tín dụng; ii) Phân tích tính hai mặt của mối quan hệ này trong điều kiện Việt Nam; và iii) Đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm phát huy vai trò tích cực của quan hệ tín dụng, đồng thời hạn chế nguy cơ phụ thuộc tài chính trong dài hạn.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp

Quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp là mối liên kết tài chính được hình thành và duy trì thông qua các giao dịch tín dụng và dịch vụ ngân hàng. Khác với một khoản vay đơn lẻ, quan hệ này mang tính lặp lại, cho phép ngân hàng tích lũy thông tin về năng lực quản trị, hành vi trả nợ và triển vọng tài chính của doanh nghiệp. Trong lý thuyết tài chính trung gian, quan hệ này thường được tiếp cận theo góc độ cho vay dựa trên quan hệ, tức là ngân hàng sử dụng không chỉ dữ liệu chuẩn hóa mà cả thông tin mềm tích lũy trong quá trình giao dịch để ra quyết định tín dụng. Cơ chế này giúp nâng cao chất lượng thẩm định và giám sát, nhưng đồng thời cũng có thể làm doanh nghiệp phụ thuộc nhiều hơn vào ngân hàng khi khả năng đa dạng hóa nguồn vốn còn hạn chế. Vì vậy, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp không chỉ ảnh hưởng đến tiếp cận vốn mà còn tác động đến chi phí tài chính, chất lượng tín dụng và mức độ rủi ro của doanh nghiệp.

2.2. Rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Rủi ro tín dụng thường được xem xét từ phía ngân hàng, tức là khả năng khách hàng vay không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Trong nghiên cứu này, rủi ro tín dụng được tiếp cận từ phía doanh nghiệp, thể hiện ở khả năng doanh nghiệp không duy trì được năng lực thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với chủ nợ, đặc biệt là ngân hàng thương mại. Rủi ro này có thể biểu hiện qua suy giảm dòng tiền, mất cân đối thanh khoản, gia tăng áp lực trả lãi, chậm trả nợ hoặc mất khả năng thanh toán. Về bản chất, đây là kết quả của cả yếu tố nội tại như hiệu quả hoạt động, cơ cấu vốn và năng lực quản trị, lẫn các yếu tố bên ngoài như lãi suất, điều kiện tín dụng và biến động thị trường. Cách tiếp cận này cho phép làm rõ hơn vai trò của quan hệ ngân hàng như một nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực trả nợ và mức độ dễ tổn thương tài chính của doanh nghiệp.

2.3. Các lý thuyết nền tảng

Lý thuyết bất cân xứng thông tin cho rằng, trong giao dịch tín dụng, doanh nghiệp luôn nắm giữ nhiều thông tin hơn ngân hàng. Quan hệ tín dụng kéo dài giúp ngân hàng thu thập và cập nhật thông tin liên tục, qua đó giảm lựa chọn đối nghịch và rủi ro đạo đức.

Lý thuyết cho vay dựa trên quan hệ nhấn mạnh rằng, giá trị của quan hệ tín dụng nằm ở khả năng ngân hàng tích lũy thông tin riêng về khách hàng, từ đó cải thiện thẩm định, hỗ trợ tiếp cận vốn và giảm nguy cơ gián đoạn tài chính, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Lý thuyết chi phí đại diện lý giải vai trò giám sát của ngân hàng đối với doanh nghiệp vay vốn thông qua các điều kiện tín dụng và cơ chế kiểm soát. Trong khi đó, lý thuyết “Hiệu ứng bị khóa chặt” và phụ thuộc tài chính chỉ ra rằng, quan hệ tín dụng quá chặt với một ngân hàng cũng có thể làm giảm khả năng đa dạng hóa nguồn vốn và gia tăng tính dễ tổn thương khi điều kiện tín dụng thay đổi.

Từ các lý thuyết trên có thể thấy, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp có thể vừa làm giảm, vừa làm gia tăng rủi ro tín dụng doanh nghiệp, tùy thuộc vào cách thức quan hệ đó vận hành trong thực tế.

2.4. Tổng quan nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu

Các nghiên cứu trước đây chủ yếu phát triển theo ba hướng. Hướng thứ nhất cho rằng quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp giúp giảm bất cân xứng thông tin, cải thiện khả năng tiếp cận vốn và hỗ trợ ổn định tài chính cho doanh nghiệp. Hướng thứ hai nhấn mạnh mặt trái của quan hệ tín dụng, cho rằng sự gắn kết quá chặt với một ngân hàng có thể tạo ra hiệu ứng khóa chặt, làm doanh nghiệp lệ thuộc vào một nguồn tài trợ duy nhất và làm gia tăng rủi ro tín dụng trong dài hạn. Hướng thứ ba cho rằng tác động của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp phụ thuộc vào bối cảnh thể chế, cấu trúc hệ thống tài chính, mức độ cạnh tranh của ngành ngân hàng và đặc điểm của doanh nghiệp vay vốn.

Đối với Việt Nam, các nghiên cứu hiện có chủ yếu tập trung vào khả năng tiếp cận tín dụng, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp hoặc chất lượng tín dụng từ phía ngân hàng. Trong khi đó, còn thiếu những phân tích xem quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp như một cơ chế có thể tác động hai chiều đến rủi ro tín dụng từ phía doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế có cấu trúc tài chính thiên về ngân hàng. Đây là khoảng trống mà bài viết hướng tới làm rõ.

3. Thực trạng quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp và hàm ý đối với rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam

Đặc trưng của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp trong bối cảnh Việt Nam

Quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp tại Việt Nam cần được đặt trong bối cảnh một hệ thống tài chính mà tín dụng ngân hàng vẫn giữ vai trò chi phối. Khi thị trường vốn chưa phát triển đủ sâu, doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn phụ thuộc đáng kể vào vốn vay ngân hàng cho nhu cầu vốn lưu động và đầu tư. Vì vậy, quan hệ giữa ngân hàng và doanh nghiệp không chỉ mang tính giao dịch ngắn hạn mà còn trở thành một cấu phần của năng lực tài chính doanh nghiệp. Trong điều kiện đó, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp không chỉ là quan hệ cung ứng vốn mà còn là cơ chế trao đổi thông tin, giám sát tài chính và phân bổ rủi ro. Khả năng tiếp cận tín dụng của nhiều doanh nghiệp không hoàn toàn phụ thuộc vào các chỉ tiêu tài chính chuẩn hóa mà còn gắn với lịch sử giao dịch, mức độ tin cậy và chất lượng quan hệ với ngân hàng. Điều này cho thấy quan hệ tín dụng lặp lại đã phần nào bù đắp những hạn chế của hệ thống thông tin tài chính và xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp.

Tuy nhiên, chính cấu trúc tài chính thiên về ngân hàng cũng làm cho quan hệ này mang tính hai mặt rõ hơn. Một mặt, nó giúp giảm chi phí thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn. Mặt khác, khi các kênh tài trợ thay thế còn hạn chế, quan hệ tín dụng có thể chuyển thành phụ thuộc tài chính, khiến mức độ an toàn tài chính của doanh nghiệp ngày càng gắn chặt với quyết định cấp tín dụng của ngân hàng. Do đó, trong trường hợp Việt Nam, rủi ro tín dụng doanh nghiệp không chỉ là vấn đề nội tại mà còn mang tính quan hệ và thể chế.

Quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp như một cơ chế làm giảm rủi ro tín dụng

Trong điều kiện bất cân xứng thông tin còn phổ biến, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp có thể làm giảm rủi ro tín dụng doanh nghiệp thông qua ba cơ chế chính. Thứ nhất, quan hệ tín dụng kéo dài cho phép ngân hàng tích lũy thông tin riêng về doanh nghiệp, từ đó nhận diện rủi ro chính xác hơn và giảm khả năng đánh giá sai năng lực trả nợ. Thứ hai, quan hệ tín dụng ổn định có thể giúp doanh nghiệp duy trì khả năng tiếp cận vốn trong những giai đoạn khó khăn tạm thời, qua đó hạn chế nguy cơ đứt gãy

thanh khoản và mất khả năng thanh toán. Thứ ba, quan hệ vay vốn thường xuyên còn tạo ra một cơ chế kỷ luật tài chính bên ngoài thông qua các yêu cầu về minh bạch thông tin, báo cáo dòng tiền và tuân thủ điều kiện tín dụng. Theo nghĩa đó, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp có thể góp phần giảm rủi ro tín dụng thông qua giám sát cân xứng thông tin, hạn chế gián đoạn tài trợ và củng cố kỷ luật tài chính.

Quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp như một nguồn phát sinh rủi ro tín dụng

Mặc dù có thể hỗ trợ giảm rủi ro, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp không mặc nhiên tạo ra kết quả tích cực. Trong bối cảnh doanh nghiệp Việt Nam phụ thuộc lớn vào tín dụng ngân hàng, quan hệ này cũng có thể trở thành nguồn phát sinh rủi ro thông qua cơ chế phụ thuộc tài chính. Khi doanh nghiệp duy trì quan hệ tín dụng chủ yếu với một hoặc một số ít ngân hàng, khả năng tiếp cận vốn ngày càng phụ thuộc vào quyết định phân bổ tín dụng của các ngân hàng đó. Nếu điều kiện cho vay bị siết chặt, hạn mức tín dụng bị thu hẹp hoặc chi phí vốn tăng lên, doanh nghiệp có thể nhanh chóng đối diện với áp lực thanh khoản và nghĩa vụ trả nợ lớn hơn.

Bên cạnh đó, quan hệ tín dụng kéo dài cũng có thể làm suy giảm động lực đa dạng hóa nguồn vốn. Khi doanh nghiệp quen dựa vào tín dụng ngân hàng như nguồn tài trợ chủ đạo, nhu cầu nâng cao tín nhiệm tài chính hoặc tiếp cận các công cụ vốn dài hạn có thể bị hạn chế. Về dài hạn, điều này làm cấu trúc vốn trở nên kém linh hoạt và nhạy cảm hơn với biến động lãi suất và chính sách tín dụng. Ngoài ra, nếu quan hệ tín dụng quá gần gũi mà không đi kèm khuôn khổ quản trị rủi ro chặt chẽ, nó có thể làm suy yếu kỷ luật thẩm định tín dụng và kéo dài tình trạng tài chính yếu kém của doanh nghiệp. Vì vậy, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp chỉ thực sự làm giảm rủi ro khi nó gắn với cải thiện thông tin, giám sát và chất lượng tài chính của doanh nghiệp; ngược lại, nếu chỉ duy trì sự lệ thuộc vào vốn vay, nó có thể làm gia tăng rủi ro trong dài hạn.

Hàm ý đối với rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam

Từ góc độ nghiên cứu, bối cảnh Việt Nam cho thấy rủi ro tín dụng doanh nghiệp không thể được giải thích đầy đủ chỉ bằng các biến số nội tại như lợi nhuận, đòn bẩy hay dòng tiền, mà cần được đặt trong một khung phân tích rộng hơn, trong đó quan hệ tín dụng với ngân hàng được xem là một biến số thể chế có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ an toàn tài chính của doanh nghiệp.

Một hàm ý quan trọng là tác động tích cực của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp phụ thuộc nhiều hơn vào chất lượng quan hệ tín dụng hơn là độ dài đơn thuần của mỗi quan hệ đó. Quan hệ tín dụng chỉ thực sự giúp giảm rủi ro khi doanh nghiệp có khả năng hấp thụ vốn vay hiệu quả, duy trì dòng tiền và tuân thủ kỷ luật tài chính. Đồng thời, tác động của quan hệ tín dụng không đồng nhất giữa các nhóm doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, quan hệ với ngân hàng có thể vừa là cơ chế bảo vệ trước rủi ro thanh khoản, vừa là nguồn gốc của sự phụ thuộc tài chính do khả năng đa dạng hóa nguồn vốn thấp hơn. Điều này cho thấy, rủi ro tín dụng cần được tiếp cận theo hướng động, như kết quả của quá trình tương tác kéo dài giữa doanh nghiệp và hệ thống tín dụng, thay vì chỉ là trạng thái tài chính tại một thời điểm.

4. Hàm ý và khuyến nghị

Từ các phân tích trên có thể thấy quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp tại Việt Nam không chỉ là kênh truyền dẫn vốn mà còn là một cơ chế ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ an toàn tài chính và rủi ro tín dụng của doanh nghiệp. Vì vậy, hàm ý chính sách không nên dừng ở mở rộng quy mô tín dụng mà cần hướng tới nâng cao chất lượng quan hệ tín dụng, giám sát cân xứng thông tin và hạn chế sự phụ thuộc quá mức của doanh nghiệp vào hệ thống ngân hàng.

Đối với doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, yêu cầu cốt lõi là chuyển từ mục tiêu tiếp cận được vốn sang sử dụng vốn vay một cách hiệu quả và an toàn. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao chất lượng quản trị tài chính, cải thiện kiểm soát dòng tiền, củng cố năng lực trả nợ nội sinh và từng bước đa dạng hóa nguồn tài trợ nhằm giảm tính dễ tổn thương trước những thay đổi trong điều kiện tín dụng.

Đối với ngân hàng thương mại, quan hệ khách hàng cần được phát triển theo hướng nâng cao chất lượng thẩm định và giám sát, thay vì coi quan hệ lâu dài như một tín hiệu thay thế cho quản trị rủi ro. Lợi thế của ngân hàng trong khai thác thông tin mềm chỉ phát huy hiệu quả khi được kết hợp với phân tích tài chính, chấm điểm tín dụng và cơ chế cảnh báo sớm. Đồng thời, ngân hàng cần điều chỉnh dần

từ cấp tín dụng dựa chủ yếu vào tài sản bảo đảm sang tiếp cận dựa nhiều hơn vào dòng tiền, triển vọng kinh doanh và lịch sử giao dịch của doanh nghiệp.

Đối với cơ quan quản lý, trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện hạ tầng thể chế để quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp vận hành theo hướng minh bạch và bền vững hơn. Điều này bao gồm nâng cao chất lượng hệ thống thông tin tín dụng, thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, chuẩn hóa thông tin tài chính doanh nghiệp và củng cố các thiết chế hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Về dài hạn, phát triển thị trường vốn theo hướng minh bạch và ổn định vẫn là điều kiện cần thiết để giảm áp lực dồn lên hệ thống ngân hàng và hạn chế sự phụ thuộc tín dụng quá mức của doanh nghiệp.

Tóm lại, mục tiêu chính sách không phải là làm suy giảm vai trò của ngân hàng trong tài trợ doanh nghiệp, mà là tái cấu trúc quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp theo hướng cân bằng hơn giữa hỗ trợ vốn, kỷ luật tài chính và kiểm soát rủi ro.

5. Kết luận

Trong bối cảnh hệ thống tài chính Việt Nam vẫn vận hành chủ yếu dựa trên trung gian ngân hàng, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp có ảnh hưởng quan trọng đến khả năng tiếp cận vốn, duy trì thanh khoản và mức độ an toàn tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở hệ thống hóa lý thuyết, tổng quan nghiên cứu và phân tích bối cảnh Việt Nam, bài viết cho thấy, quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp có tác động hai mặt đối với rủi ro tín dụng doanh nghiệp.

Ở chiều tích cực, quan hệ tín dụng ổn định có thể góp phần làm giảm rủi ro tín dụng thông qua việc giảm bất cân xứng thông tin, hỗ trợ tiếp cận vốn và củng cố kỷ luật tài chính. Ngược lại, khi quan hệ tín dụng chuyển thành phụ thuộc tài chính trong điều kiện thị trường vốn chưa phát triển tương xứng, nó có thể làm gia tăng tính dễ tổn thương của doanh nghiệp, làm suy giảm tính linh hoạt của cấu trúc vốn và kéo dài những yếu kém nội tại về tài chính.

Từ đó, bài viết khẳng định rằng, tác động của quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp đến rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam không mang tính tuyến tính đơn giản mà phụ thuộc vào chất lượng thông tin tài chính, năng lực quản trị doanh nghiệp, mức độ tập trung tín dụng và khả năng đa dạng hóa nguồn vốn. Điều này cho thấy quan hệ ngân hàng – doanh nghiệp cần được tiếp cận như một cơ chế trung gian có tính hai mặt, thay vì chỉ được xem như điều kiện hỗ trợ tiếp cận tín dụng.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính (2024). *Công bố Báo cáo thị trường trái phiếu Việt Nam 2024: Quy mô thị trường tăng trưởng tích cực đạt hơn 3,7 triệu tỷ đồng*.
2. Nguyễn Thế Hùng, Vũ Thị Minh Luận (2025). *Thực trạng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa và một số khuyến nghị đối với các tổ chức tín dụng*. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, Kỳ 2 tháng 07 (292), 71–74.
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2025). *Tăng trưởng tín dụng cao nhất trong nhiều năm trở lại đây*. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
4. Nguyễn Hồ Phương, Trần Thị Lệ Hiền, Đinh Thị Hồng Nga, và Dương Thị Thanh Nhân (2025). *Các nhân tố tác động đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing, 16(5), 46–59.
5. Quốc hội (2017). *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.
6. Asian Development Bank (2024). *The roles of access to finance in small and medium-sized enterprise development in Viet Nam*. Southeast Asia Working Paper Series, No. 2.
7. Petersen, M. A., & Rajan, R. G. (1994). *The benefits of lending relationships: Evidence from small business data*. Journal of Finance, 49(1), 3–37.
8. Rajan, R. G. (1992). *Insiders and outsiders: The choice between informed and arm's-length debt*. Journal of Finance, 47(4), 1367–1400.